CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Ngày 30/06/2025	4,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.9%	**-6.0%**	**-**

DT thuần
Q2/25
51.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.10| -13.8%
YoY: ▲ 20.8| 68.7%

LN thuần
Q2/25
3.53
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.37| 63.3%
YoY: ▲ 4.40| 505%

LN sau thuế
Q2/25
0.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.63| 186%
YoY: ▲ 2.78| 154%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
2.4%
YoY: +/-▲ 1.4%

ROE (TTM)
Q2/25
0.6%
YoY: +/-▲ 0.5%

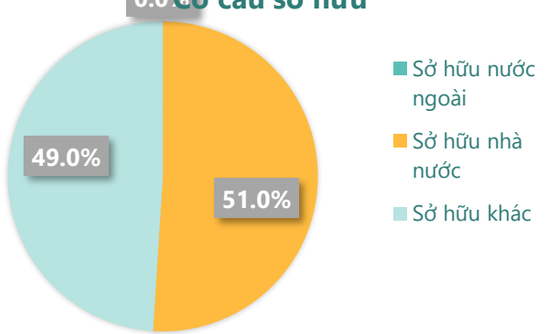
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,300 - 10,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	235
Số lượng CPLH (CP)	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	123,120
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.08
EPS	68
P/E	68.9

DT thuần
6T 2025
110
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 42.5| 63.1%

LN thuần
6T 2025
5.68
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.87| 3040%

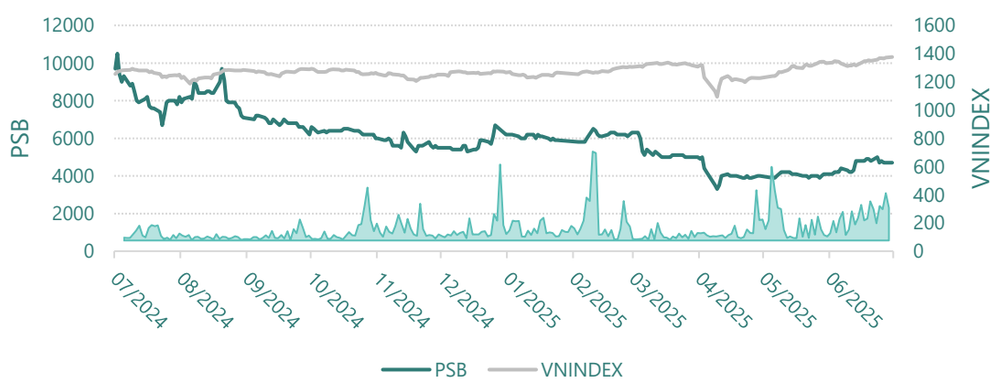
LN sau thuế
6T 2025
1.31
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.66| 197%

Cơ cấu sở hữu

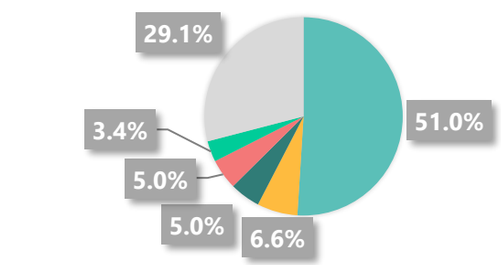


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

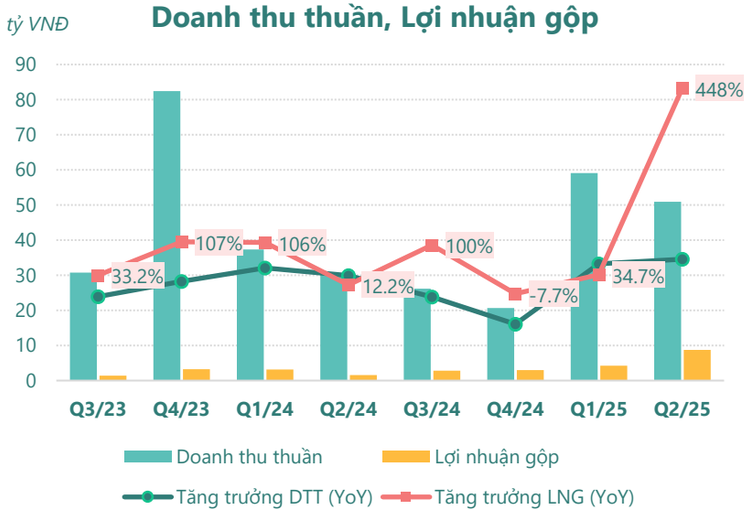


- Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
- CTCP Dịch vụ và Tư vấn Tương Lai
- CTCP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Chợ Lớn
- CTCPP Dịch vụ Đầu tư Mặt Trời Việt
- Chi cục thi hành án Dân sự quận Hoàn Kiếm Thành phố Hà Nội

(Nguồn: fireant.vn)

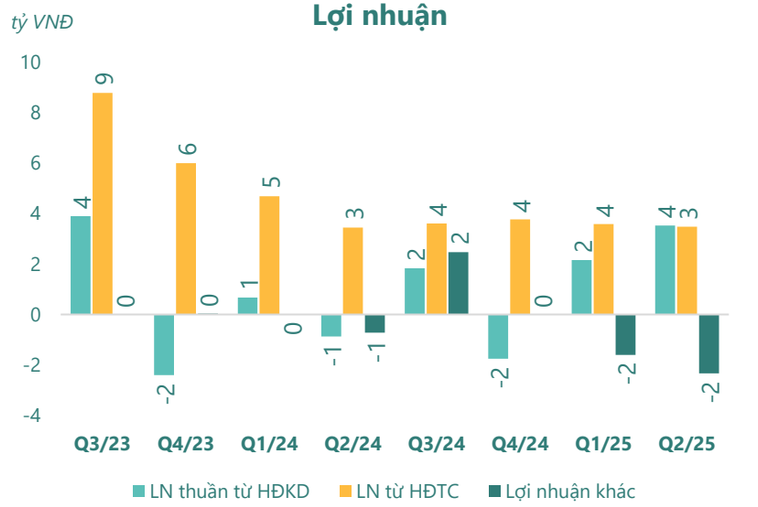
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



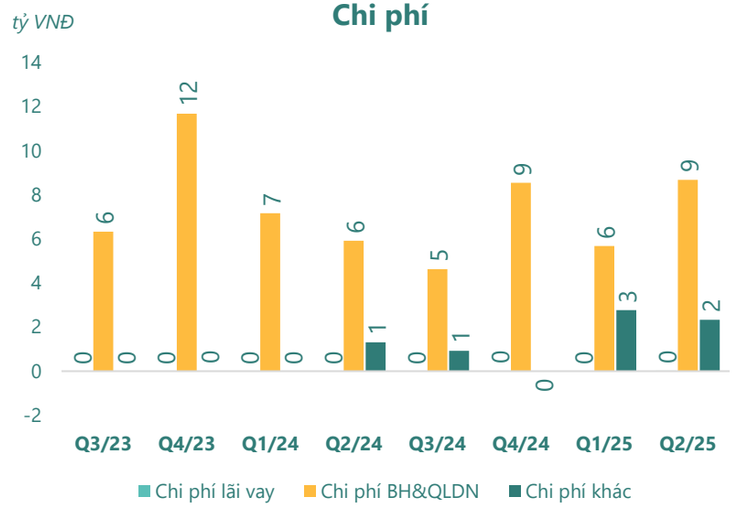
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



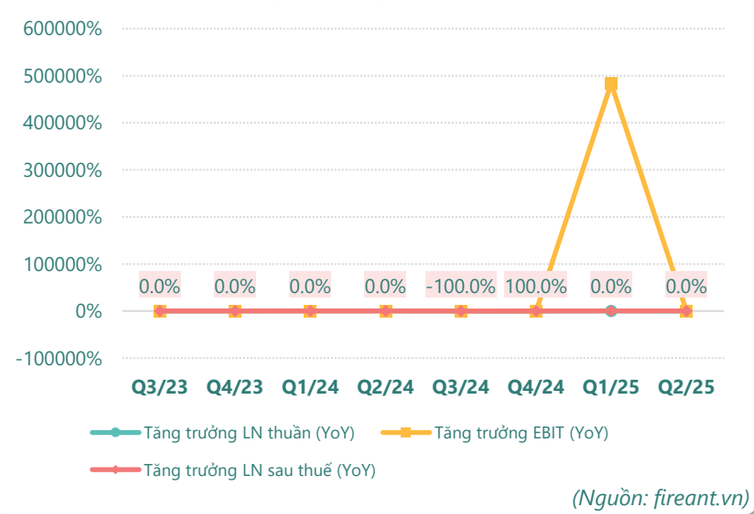
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



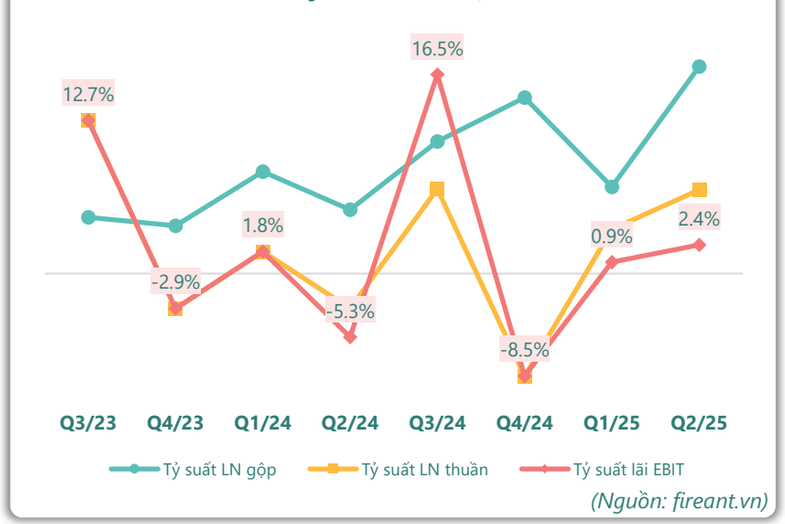
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



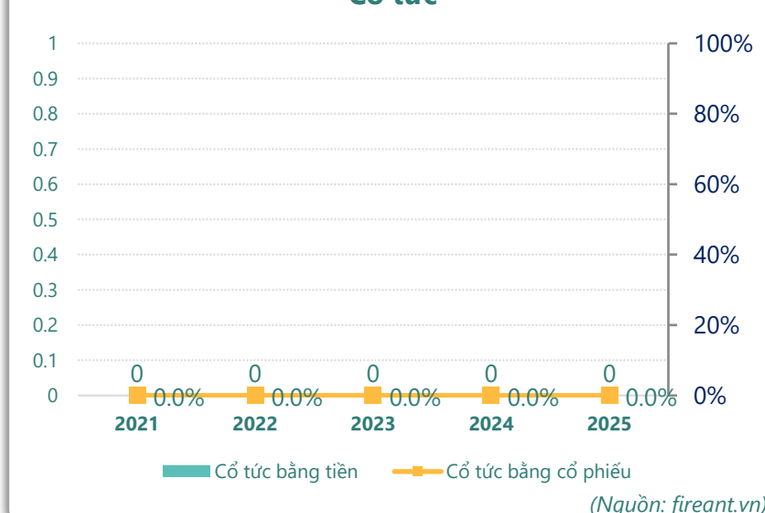
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

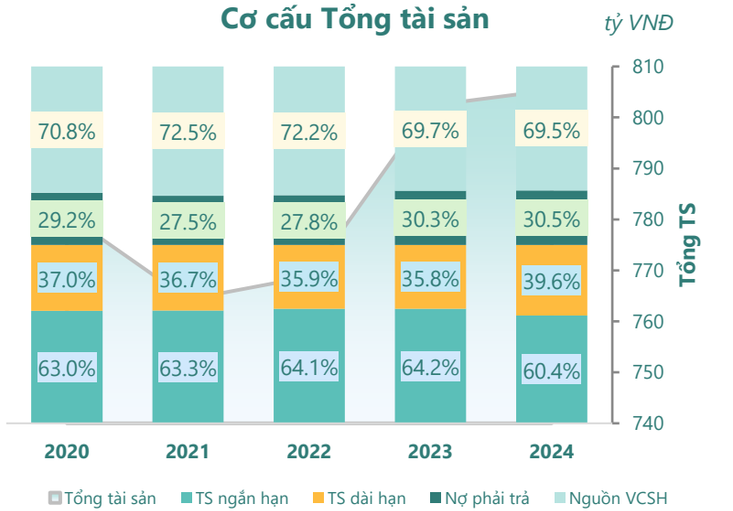
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

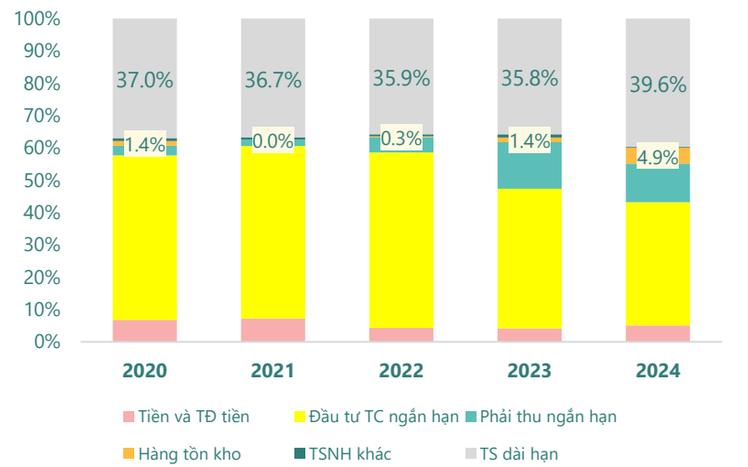
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



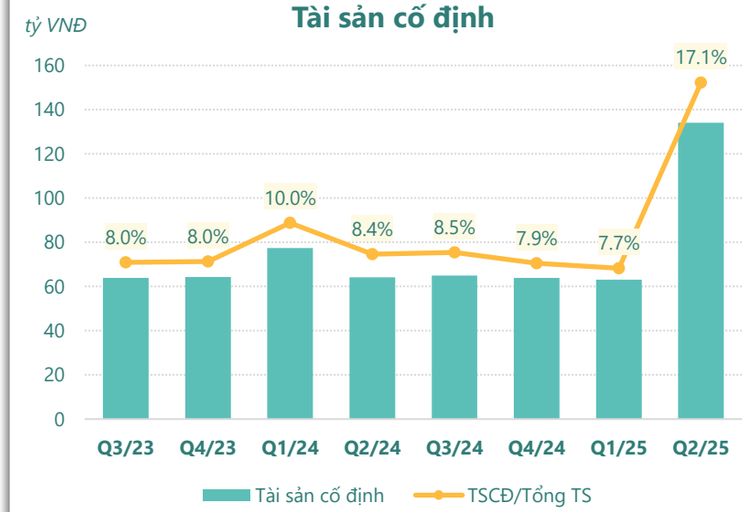
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



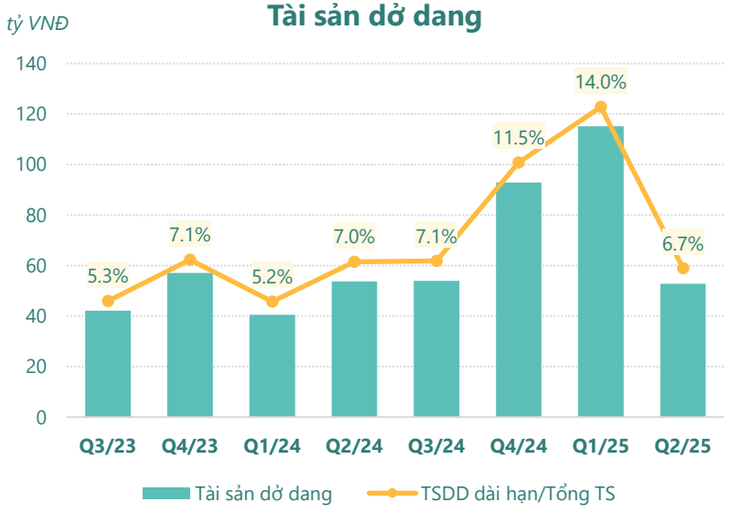
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



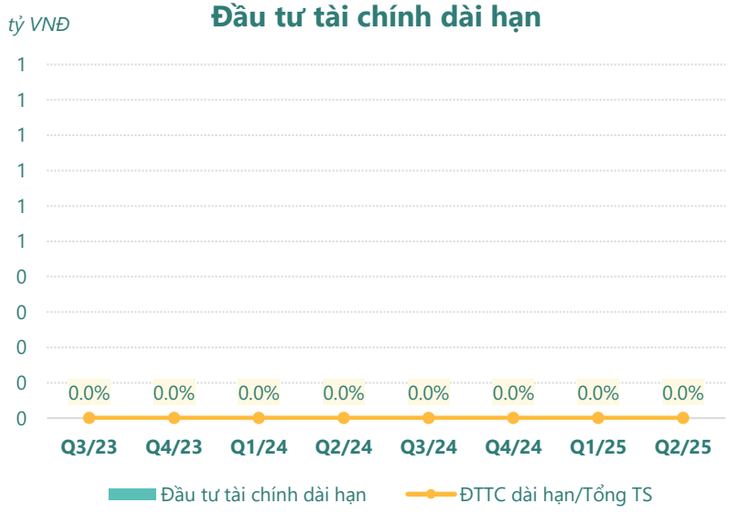
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



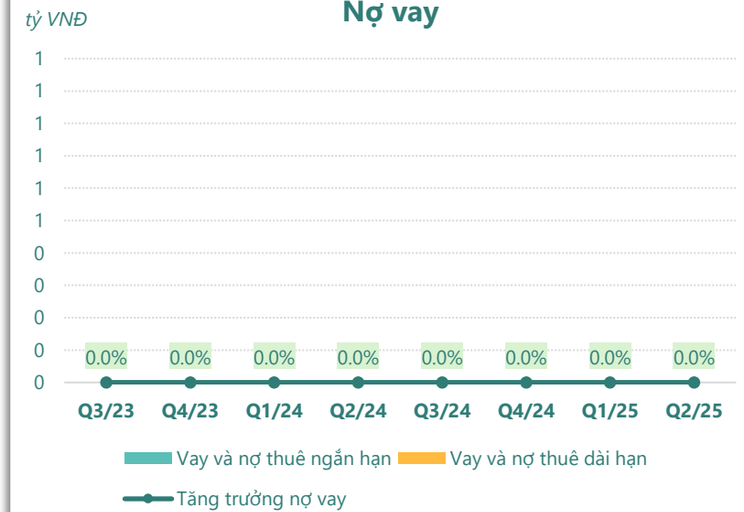
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

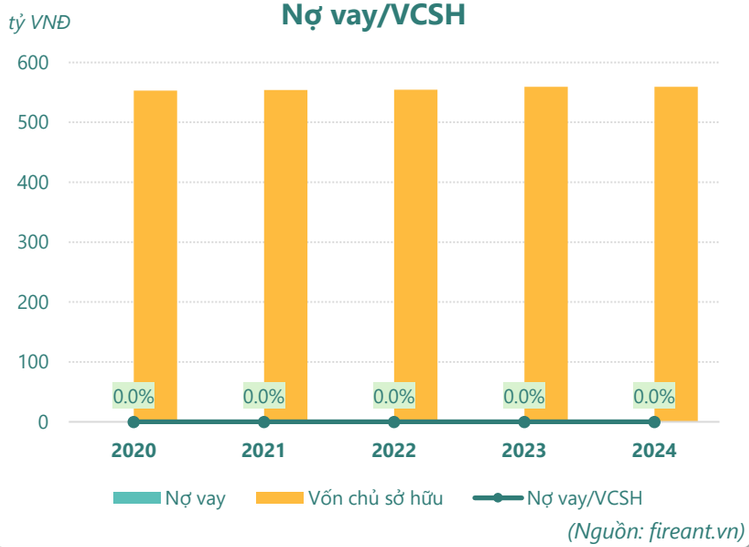
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

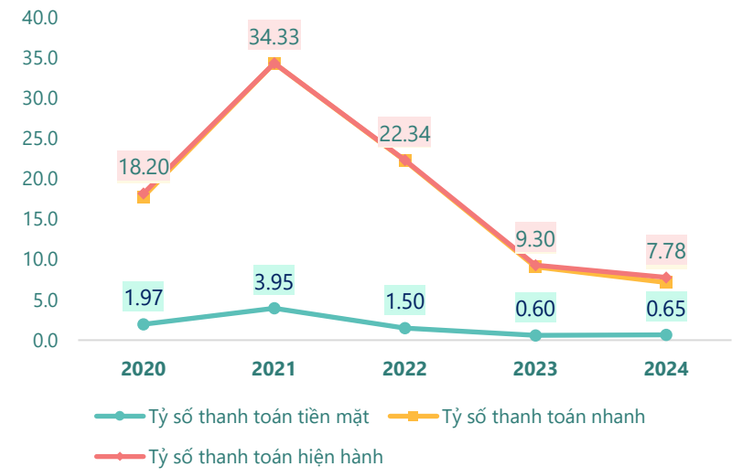
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



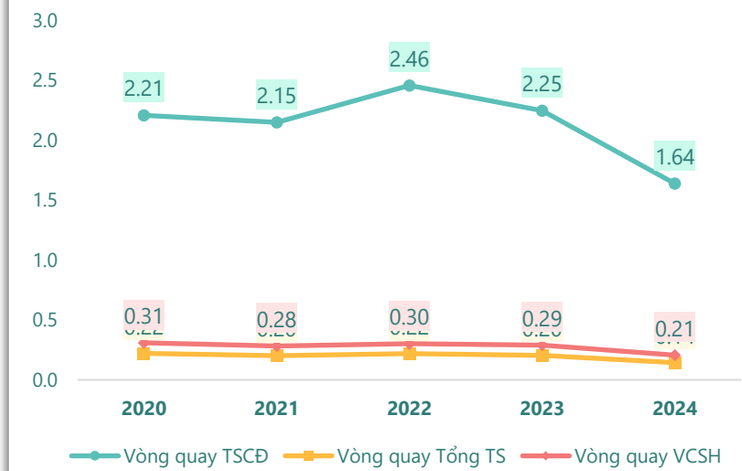
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



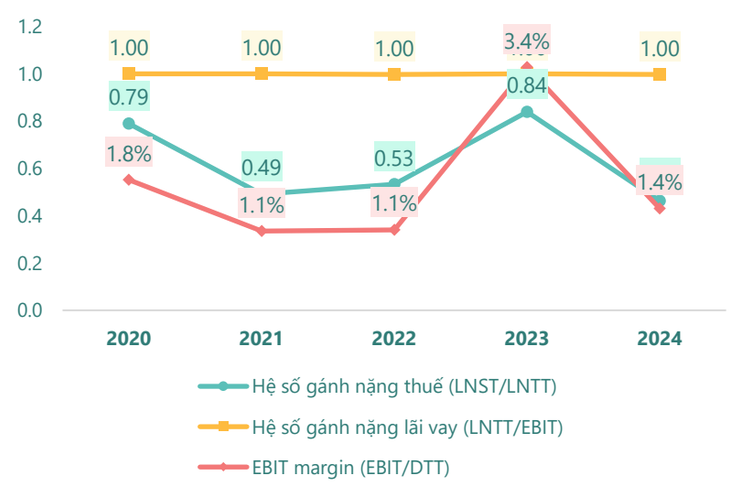
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



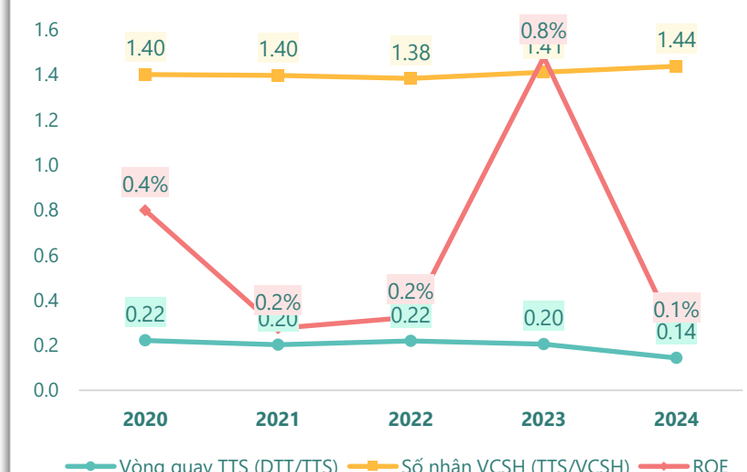
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



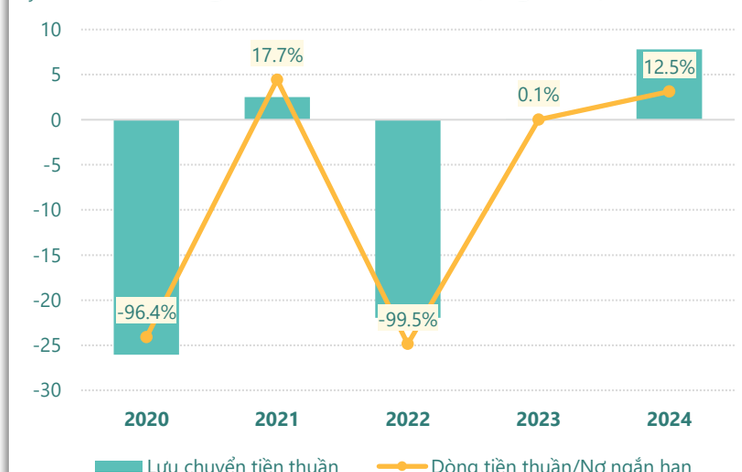
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**51.0**	**30.2**	**68.7%**	**110**	**67.5**	**63.1%**
Giá vốn hàng bán	42.2	28.6	47.7%	97.1	62.7	54.7%
Lợi nhuận gộp	8.72	1.59	448%	13.0	4.73	174%
Doanh thu HĐTC	3.50	4.00	-12.4%	7.10	8.70	-18.5%
Chi phí TC	0.02	0.55	-96.4%	0.02	0.55	-96.4%
Chi phí lãi vay	0.02	0.00		0.02	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.15	0.15	-2.9%	0.29	0.29	0.0%
Chi phí QLDN	**8.53**	**5.77**	**47.9%**	**14.1**	**12.8**	**9.9%**
LN thuần từ HĐKD	3.53	-0.87	505%	5.68	-0.19	3040%
Lợi nhuận khác	**-2.33**	**-0.72**	**-224%**	**-3.93**	**-0.72**	**-448%**
LN trước thuế	1.19	-1.59	175%	1.75	-0.91	292%
Lợi nhuận sau thuế	**0.97**	**-1.81**	**154%**	**1.31**	**-1.35**	**197%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.97**	**-1.81**	**154%**	**1.31**	**-1.35**	**197%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.28	-44.8	33.0	-18.8	-27.7	21.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.57	59.7	-52.6	42.2	-10.1	3.95
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	33.0	22.4	37.2	17.2	40.8	3.07
Lưu chuyển tiền thuần	**-10.8**	**14.9**	**-19.7**	**23.4**	**-37.7**	**25.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.26	-0.19	-0.34	0.26	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	22.4	37.2	17.2	40.8	3.07	28.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**783**	**805**	**-2.7%**
Tài sản ngắn hạn	437	486	-10.1%
Tiền và tương đương tiền	28.7	40.8	-29.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	261	307	-15.1%
Phải thu ngắn hạn	141	96.3	46.0%
Hàng tồn kho	0.01	39.7	-100.0%
Tài sản ngắn hạn khác	7.22	2.29	216%
Tài sản dài hạn	**346**	**319**	**8.5%**
Phải thu dài hạn	0.02	0.00	500%
Tài sản cố định	134	63.9	110%
Bất động sản đầu tư	157	160	-1.5%
Tài sản dở dang	52.8	92.9	-43.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.12**	**2.80**	**-24.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	223	246	-9.4%
Nợ ngắn hạn	**41.5**	**62.5**	**-33.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	10.1	4.50	125%
Nợ dài hạn	181	183	-1.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**561**	**560**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**561**	**560**	**0.2%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)